TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2018/HSST

Ngày : 03 – 8 – 2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải An

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tiến Dũng

2. Ông Hoàng Văn Phong

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Trần Tố Lâm_ Chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 03/8/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 191/2018/HSST ngày 13/7/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2018/QĐXX-HSST ngày 20/7/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Võ Hữu D; Tên gọi khác: không; Sinh năm: 1987; Tại: tỉnh Lâm Đồng; Trú tại: Thôn 1, xã H, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk. Nghề nghiệp: lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Tiền án; Tiền sự: Không; Con ông: Võ Hữu D1; Con bà: Lương Thị Thu N. Bị cáo có vợ: Đào Thị H – sinh năm: 1989 và có 02 con, con lớn sinh năm: 2012, con nhỏ sinh năm: 2016.

Bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Thành phố Buôn Ma Thuột từ ngày 06/11/2017 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa

Người bị hại: Anh Trần Văn H – Sinh năm: 1986 (Vắng mặt)

Trú tại: Số x đường V, phường K, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn N - Sinh năm: 1976 (Có mặt)

2. Chị Trần Thị Mỹ C – sinh năm: 1983 (Có mặt)

Cùng trú tại: Buôn M, xã M, Hện G, tỉnh Đăk Lăk.

3. Chị Đào Thị H – Sinh năm: 1989 (Có mặt)

Trú tại: Thôn 1, xã H, Thành phố B, tỉnh Đăk Lăk

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Y – sinh năm: 1977 (vắng mặt)

Trú tại: Số x đường Q, thị trấn P, Hện G, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Hữu D không có nghề nghiệp ổn định nên thường xuyên thuê ô tô tự lái của anh Trần Văn H (Sinh năm 1986, trú tại: số nhà x đường H, phường L, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk) sử dụng làm phương tiện kinh doanh chở khách kiếm thêm thu nhập. Quá trình thuê xe trước đây, D thường trả xe đúng hẹn. Do vậy có được sự tin tưởng của anh H, vào đầu tháng 5 năm 2017, D tiếp tục thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova biển số 47A-xxxxx của anh H với thỏa thuận là 650.000 đồng / một ngày. Trong thời gian này, D tham gia đánh bạc tại một số sòng bạc trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Để có tiền tham gia đánh bạc, D vay mượn tiền của vợ chồng anh Nguyễn Văn N (sinh năm 1976) và chị Trần Thị Mỹ C (sinh năm 1978) cùng trú tại Buôn M, xã M, huyện G, tỉnh Đắk Lắk. Do anh N và chị C bắt phải có tài sản thế chấp khi vay tiền nên D đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe ô tô biển số 47A-xxxx đã thuê của anh Trần Văn H và mang thế chấp cho anh Nguyễn Văn N, chị Trần Thị Mỹ C để vay số tiền là 150.000.000 đồng. Khi thế chấp lại chiếc xe ô tô trên, anh N hỏi D xe của ai thì D trả lời là "Xe của D mua lại của em rể Nguyễn Văn Q nhưng do còn nợ tiền nên chưa làm thủ tục sang tên và chưa lấy được giấy đăng ký xe bản gốc". Nghe xong, anh N tin tưởng D nên không hỏi gì thêm. Số tiền 150.000.000 đồng D sử dụng vào việc đánh bạc và thua hết. Đến ngày 11 tháng 5 năm 2017 không thấy D sử dụng xe ô tô nữa thì vợ D là Đào Thị H (sinh năm 1989, trú tại thôn 1, xã Hòa Thắng, thành phố Buôn Ma Thuột) hỏi "xe đâu rồi ?" thì D nói dối H là đã thế chấp cho vợ chồng anh N để vay số tiền 150.000.000 đồng, số tiền này D cho người khác vay hiện nay chưa lấy lại được. Nghe vậy H đã gọi điện cho chị C thì chị C xác nhận là có việc D vay tiền và thế chấp lại chiếc xe ô tô trên cho vợ chồng chị C, anh N. Chị C yêu cầu vợ chồng D vào nhà của chị C để thương lượng trả nợ. Do biết anh N và chị C không biết họ tên thật của mình nên trước khi vào nhà anh N, D và H thống nhất khi ghi giấy nợ gì sẽ lấy họ giả là Nguyễn Thanh D còn H sẽ lấy họ giả là Lê Thị H nhằm mục đích nếu không có tiền trả cho anh N thì khi bỏ trốn anh N sẽ không biết được họ tên thật của D và H. Khi đi đến nhà anh N thì D tự tay viết giấy mượn tiền với anh N và chị C với nội dung là: D vay số tiền 150.000.000 đồng của anh N và để lại chiếc xe ô tô 47A-xxxx lại làm tin. D và H ký tên vào giấy mượn tiền là Nguyễn Thanh D và Lê Thị H. Sau khi viết giấy xong D đưa toàn bộ giấy đăng ký xe bản sao, giấy kiểm định và bảo hiểm dân sự của chiếc xe ô tô trên cho anh N. Đến ngày 17 tháng 5 năm 2017,

D tiếp tục hỏi anh N vay thêm số tiền 50.000.000 đồng nhằm mục đích tiếp tục đi đánh bài. Lúc này anh N nói với D là do xe ô tô không phải của D đứng tên chủ sở hữu nên không cho vay thêm tiền. Nếu có giấy mua bán xe thì mới cho vay thêm. Nhằm tạo niềm tin cho anh N về việc chiếc xe trên là của D mua lại của anh Quý (là người đứng tên trong giấy đăng ký xe) thì lúc này D nảy sinh ý định viết giấy mua bán chiếc xe ô tô trên. D đã thuê một người phụ nữ không rõ nhân thân lai lịch viết một tờ giấy bán xe với nội dung: anh Nguyễn Văn Q bán lại chiếc xe ô tô biển số 47A-xxxx cho Nguyễn Thành D và hiện nay D còn nợ lại anh Q số tiền 83.000.000 đồng. Sau khi thuê người viết giấy bán xe xong vợ D đi đến nhà của anh N để vay thêm tiền. D đưa giấy ủy quyền cho anh N xem thì anh N tin tưởng chiếc xe trên là của D mua lại của anh Quý nên anh N đồng ý cho D vay thêm 40.000.000 đồng. D tiếp tục sử dụng số tiền này tham gia đánh bạc và thua hết. Tổng cộng số tiền D đã thế chấp chiếc xe ô tô của anh H để vay của anh N số tiền là 190.000.000 đồng. D sử dụng vào mục đích đánh bạc và thua hết không có khả năng trả lại cho anh N. Khi đến hạn trả xe, anh H gọi điện yêu cầu D trả lại chiếc xe theo hợp đồng nhưng D không có khả năng trả lại số tiền đã vay là 190.000.000 đồng cho anh N để chuộc lại chiếc xe ô tô trên để trả lại cho anh Trần Văn H. Anh H nhiều lần yêu cầu D trả xe nhưng không được nên đã trình báo cơ quan công an.

Tại bản kết luận giám định chữ ký, chữ viết số 319/PC54 ngày 05/3/2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đak Lak kết luận:

- Chữ ký, chữ viết mang tên Lê Thị H trong "Giấy mượn tiền" ký hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Đào Thị H trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thanh D trong các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Võ Hữu D trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3, M4, M5, M6 là do cùng một người ký và viết ra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 186/KLĐG ngày 27/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Thành phố Buôn Ma Thuột kết luận: 01 xe ô tô hiệu Toyota loại Innova – G màu ghi vàng biển số 47A-xxxx trị giá 340.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 113/KSĐT-HS ngày 13/4/2018, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố bị cáo Võ Hữu D về tội " Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 140 Bộ Luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7 và khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa hôm nay, bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bản cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời, đề nghị HĐXX:

Áp dụng: Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 140; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Áp dụng khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Võ Hữu D mức án từ 07 đến 08 năm tù.

- Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự

Đề nghị chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Buôn Ma Thuột đã trả 01 xe ô tô hiệu Toyota loại Innova – G màu ghi vàng biển số 47A-xxxx; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm số 0170012848; 01 giấy chứng nhận kiểm định số 2435289 cho anh Trần Văn H nhận sử dụng.

Đề nghị chấp nhận gia đình bị cáo Võ Hữu D tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho anh Trần Văn H số tiền 25.000.000 đồng.

Đề nghị buộc bị cáo Võ Hữu D phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị Mỹ C số tiền 190.000.000 đồng.

Bị cáo không bào chữa và tranh luận gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến và khiếu nại về hành vi tố tụng của Cơ quan và người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi của bị cáo, xét thấy: Từ năm 2016, bị cáo Võ Hữu D đã thuê xe ô tô hiệu Toyota loại Innova – G màu ghi vàng biển số 47A-xxxx có trị giá 340.000.000 đồng của anh Trần Văn H để làm phương tiện kinh doanh chở khách. Đến khoảng đầu tháng 5/2017, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe và mang đi cầm cố cho anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị Mỹ C lấy số tiền 190.000.000 đồng để đánh bạc dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản là phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

[3] Về điều luật áp dụng: Xét hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018. Căn cứ vào Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 và khoản 1, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015 thì cần áp dụng các quy định tương ứng của các văn bản quy phạm pháp luật về hình sự có hiệu lực trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 và các quy định về hình phạt nhẹ hơn, tình tiết giảm nhẹ mới của Bộ luật Hình sự 2015 để giải quyết. Do đó, tội phạm và hình phạt áp dụng đối với bị cáo được quy định tại khoản 3 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999.

**** Tại Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:***

1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng hoặc dưới bốn triệu đồng nhưng gây H quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản;.

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

2. ....

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng;

....

Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người bị hại mà còn gây nên những ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của bản thân trong cuộc sống, bị cáo nhận thức được rằng tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật quan tâm bảo vệ, mọi hành vi xâm hại trái pháp luật đều bị trừng trị một cách thích đáng. Song xuất phát từ động cơ vụ lợi, bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Mặt khác, sau khi chiếm đoạt được chiếc xe của anh Trần Văn H mang đi cầm cố lấy số tiền 150.000.000 đồng, bị cáo còn tiếp tục dùng thủ đoạn gian dối để có thể vay thêm số tiền 40.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị Mỹ C từ việc cầm cố chiếc xe này. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật và sự quyết tâm thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, đối với bị cáo cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra

khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới đảm bảo phát H tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội, tại cơ quan điều tra và tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại, người bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước. Mặt khác, đối chiếu Bộ luật hình sự năm 2015, hành vi của bị cáo tương ứng với khoản 3 Điều 175 quy định mức hình phạt tù từ 05 năm đến 12 năm là nhẹ hơn. Do đó, cần áp dụng quy có lợi này cho bị cáo.

Trong vụ án này còn có anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị Mỹ C là người nhận cầm cố chiếc xe ô tô hiệu Toyota loại Innova – G màu ghi vàng biển số 47A-xxxx từ bị cáo. Song, anh N và chị C không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với Đào Thị H là vợ của bị cáo đã có hành vi gian dối cùng D ký tên trong giấy mượn tiền của anh Nguyễn Văn N. Tuy nhiên, khi bị cáo D thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc xe ô tô biển số 47A-xxxx của anh Trần Văn H và mang đi cầm cố lần lượt lấy tổng số tiền là 190.000.000 đồng thì D không bàn bạc, không nói cho H biết. H không có hành vi giúp sức cho bị cáo chiếm đoạt tài sản trên và cũng không cùng D sử dụng số tiền đã vay của anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị Mỹ C. Do đó, hành vi của Đào Thị H không đồng phạm với Võ Hữu D. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với hành vi đánh bạc của Võ Hữu D, D tham gia đánh bạc ở nhiều nơi, không xác định được địa điểm do vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột tách ra để tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Quá tình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Buôn Ma Thuột đã trả 01 xe ô tô hiệu Toyota loại Innova – G màu ghi vàng biển số 47A-xxxx; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm số yyyyyy; 01 giấy chứng nhận kiểm định số zzzzzz cho anh Trần Văn H nhận sử dụng. Xét việc giao trả là phù hợp với quy định tại Điều 41, 42 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nên cần chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo Võ Hữu D đã tác động gia đình bồi thường số tiền 25.000.000 đồng tiền tổn thất trong những ngày D chiếm đoạt chiếc xe ô tô biển số 47A-xxxx. Xét việc bồi thường là tự nguyện nên cần chấp nhận.

Đối với số tiền 190.000.000 đồng Võ Hữu D đã nhận của anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị Mỹ C: Bị cáo chưa bồi thường gì cho anh N và chị C. Do vậy, cần buộc bị cáo Võ Hữu D trả cho anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị Mỹ C số tiền 190.000.000 đồng là phù hợp.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoaûn 1 Ñieàu 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và Dân sự sơ thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017;

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 140; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Áp dụng khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: bị cáo Võ Hữu D phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt Võ Hữu D 08 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, ngày 06/11/2017.

- Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 2 Điều 41, khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự

Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Buôn Ma Thuột đã trả 01 xe ô tô hiệu Toyota loại Innova – G màu ghi vàng biển số 47A-xxxx; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm số yyyyy; 01 giấy chứng nhận kiểm định số zzzzzzzzz cho anh Trần Văn H nhận sử dụng.

Chấp nhận gia đình bị cáo Võ Hữu D tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho anh Trần Văn H số tiền 25.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Võ Hữu D phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị Mỹ C số tiền 190.000.000 đồng.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất khi đương sự có đơn yêu cầu thi hành án.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Võ Hữu D phải nộp 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm và 9.500.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận :
-VKSND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND THÀNH PHố BMT;
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-Công an THÀNH PHố BMT;
-CCTHA DSTHÀNH PHố BMT, THA phạt tù;
-Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
-Bị cáo; Các đương sự;
-Chánh án ;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hải An